

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ II - NH 2023 - 2024
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT - KHỐI LỚP 10

BÀI 12. ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Câu 1. Hệ thống chính trị Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo mấy nguyên tắc cơ bản?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 2. Hệ thống chính trị ở Việt Nam là một chỉnh thể thống nhất, trong đó bao gồm các tổ chức, cơ quan nào?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội khác.
B. Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
C. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
D. Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội.

Câu 3. Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. tổ chức lãnh đạo xã hội Việt Nam.
B. một tổ chức chính trị - xã hội.
C. tổ chức có vai trò trung tâm trong hệ thống chính trị.
D. một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là tổ chức giữ vai trò lãnh đạo của cả hệ thống chính trị Việt Nam.

Câu 4. Nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị ở Việt Nam?

- A. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lí, Nhân dân làm chủ.
B. Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội.
C. Phân công quyền lực nhà nước theo thuyết tam quyền phân lập.
D. Quyền lực chính trị thuộc về Nhà nước.

Câu 5. Các bộ phận trong hệ thống chính trị nước ta có chung mục đích vì lợi ích của đối tượng nào?

- A. Nhân dân.
B. Đảng và Nhà nước.
C. Quốc hội.
D. Chính phủ.

Câu 6. Nhận định nào sau đây là **sai**?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật.
B. Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định những hoạt động của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Hệ thống chính trị ở Việt Nam là chính thể thống nhất trong đó bao gồm các tổ chức, các thiết chế hợp pháp có quan hệ về mục đích và chức năng thực hiện, tham gia thực hiện quyền lực chính trị, quyền lực Nhà nước.

D. Quyền lực Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự phân quyền giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp theo lí thuyết tam quyền phân lập.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức giữ vai trò trung tâm trong hệ thống chính trị.

B. Quyền lực của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc về Nhân dân lao động.

C. Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Nhà nước giữ vai trò quản lí xã hội.

D. Các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị Việt Nam đều hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

Câu 8. Tổ chức nào dưới đây **không phải** là một trong các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam?

A. Công đoàn Việt Nam.

B. Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

C. Hội Nhà báo Việt Nam.

D. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây **không phải** là đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Đảm bảo quyền lực của Nhà nước thuộc về chính phủ.

B. Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời giữ vai trò lãnh đạo của cả hệ thống chính trị.

C. Thống nhất về tổ chức lãnh đạo, mục tiêu chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động.

D. Cơ quan, tổ chức gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Câu 10. Hệ thống chính trị Việt Nam chỉ tồn tại một đảng chính trị duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện đặc điểm cơ bản nào của hệ thống chính trị Việt Nam?

A. Tính nhất nguyên chính trị.

C. Tính nhân dân.

B. Tính thống nhất.

D. Tính quy phạm.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây **không phải** là đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của bộ máy nhà nước.

B. Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời giữ vai trò lãnh đạo của cả hệ thống chính trị.

C. Thống nhất về tổ chức lãnh đạo, mục tiêu chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động.

D. Cơ quan, tổ chức gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Câu 12. Nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị ở Việt Nam?

A. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

B. Quyền lực chính trị thuộc về Đảng.

C. Phê bình và tự phê bình.

D. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về chính phủ

Câu 14. Chế độ chính trị ở Việt Nam là thể chế gì?

- A. Thể chế một đảng duy nhất cầm quyền.
- B. Thể chế chính trị đa đảng.
- C. Thể chế quân chủ tuyệt đối.
- D. Thể chế cộng hòa tổng thống.

**BÀI 13. ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Câu 1. Có mấy nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 2. Quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và được giao cho các cơ quan tương ứng thực hiện một cách độc lập nhưng có sự phối hợp, kiểm soát, giám sát lẫn nhau thể hiện nguyên tắc nào của của tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan.
- C. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- D. Nguyên tắc tập trung dân chủ.

Câu 3. Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có mấy đặc điểm chính?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 4. Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước được sắp xếp, tổ chức thống nhất từ trung ương xuống địa phương chịu sự lãnh đạo của tổ chức nào?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Quốc hội.
- C. Chính phủ.
- D. Chủ tịch nước.

Câu 5. Cơ quan, tổ chức nào dưới đây **không** thuộc Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Quốc hội.
- B. Viện kiểm sát nhân dân.
- C. Chính phủ.
- D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 6. Điều **không phải** là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Nguyên tắc quyền lực Nhà nước là thống nhất.
- B. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.
- C. Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Tính thống nhất.
- B. Tính dân tộc.
- C. Tính an toàn.

D. Tính đảm bảo.

Câu 8. Tính thống nhất của quyền lực Nhà nước Việt Nam được xác định bởi chính chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực là

- A. nhân dân.
- B. cộng đồng.
- C. dân tộc.
- D. dân cư.

Câu 9. Trong các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên tắc nào là quan trọng nhất?

- A. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng công sản Việt Nam.
- B. Nguyên tắc tập trung dân chủ
- C. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- D. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Câu 10. Quốc hội ban hành Luật Phòng cháy và chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy, xây dựng lực lượng, trang bị phương tiện, chính sách cho hoạt động này. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều phải tuân thủ các quy định này. Nội dung này thể hiện đặc điểm nào của bộ máy Nhà nước Việt Nam?

- A. Tính thống nhất.
- B. Tính quyền lực.
- C. Tính nhân dân.
- D. Tính pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Câu 11. Cơ quan, tổ chức nào dưới đây **không** thuộc Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Tòa án nhân dân.
- C. Chính phủ.
- D. Đảng.

Câu 12. Việc phân chia quyền lực nhà nước cho các cơ quan nhà nước để thực hiện những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt thể hiện đặc điểm nào của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Tính thống nhất.
- B. Tính nhân dân.
- C. Tính quyền lực.
- D. Tính pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Câu 13. Thực hiện quản lí mọi mặt của đời sống xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện đặc điểm nào của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Tính thống nhất.
- B. Tính nhân dân.
- C. Tính quyền lực.
- D. Tính pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Câu 14. Các cơ quan, cá nhân ở cấp dưới bắt buộc phải phục tùng, phải thực hiện các nhiệm vụ, quyết định của cấp trên thể hiện đặc điểm nào của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Tính thống nhất.
- B. Tính nhân dân.
- C. Tính quyền lực.
- D. Tính pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Câu 15. Những vấn đề thuộc thẩm quyền tập thể thì thiểu số phục tùng đa số nhưng thiểu số có quyền bảo lưu ý kiến, đa số cũng cần xem xét, tham khảo ý kiến của thiểu số để kiểm tra tính đúng đắn trong quyết định của mình thể hiện nguyên tắc nào của của tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan.
- C. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- D. Nguyên tắc tập trung dân chủ.

Câu 16. Nhân dân Việt Nam là người thành lập ra Nhà nước, trao quyền cho Nhà nước và kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước thể hiện nguyên tắc nào của của tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan.
- C. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- D. Nguyên tắc tập trung dân chủ.

BÀI 14. QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC, CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Câu 1. Hiến pháp là luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lí cao nhất do cơ quan nào ban hành?

- A. Quốc hội.
- B. Chủ tịch nước
- C. Thủ tướng chính phủ
- D. Tòa án

Câu 2. Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, cơ quan nào có chức năng lập hiến, lập pháp?

- A. Quốc hội.
- B. Chính phủ.
- C. Chủ tịch nước.
- D. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 3. Quốc hội thực hiện quyền nào dưới đây?

- A. Giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.
- B. Kiểm sát hoạt động tư pháp.
- C. Xét xử.
- D. Công tố.

Câu 4. Nội dung nào sau đây **không đúng** khi nói về hình thức hoạt động của Quốc hội?

- A. Tổ chức các kì họp công khai.
- B. Tổ chức các kì họp bí mật trong nội bộ.
- C. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.
- D. Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai kì.

Câu 5. Quốc hội làm việc theo chế độ nào?

- A. Thủ trưởng.
- B. Tập thể.
- C. Hội nghị.
- D. Dân chủ.

Câu 6. Chủ tịch nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm nào dưới đây?

- A. Lệnh, quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- B. Luật, Nghị định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- C. Luật, Thông tư để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- D. Thông tư, Chỉ thị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Câu 7. Đứng đầu Nhà nước và thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại là ai?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Phó Chủ tịch nước.
- C. Quốc hội.
- D. Chính phủ.

Câu 8. Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, ai là người có quyền ra quyết định đặc xá?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Chủ tịch Quốc hội.
- C. Thủ tướng Chính phủ.
- D. Tổng Bí thư.

Câu 9. Chủ tịch nước có thể uỷ nhiệm cho ai thực hiện một số nhiệm vụ thay thế mình?

- A. Quốc Hội.
- B. Phó Chủ tịch nước.
- C. Hội đồng nhân dân.
- D. Chính phủ.

Câu 10. Chủ tịch nước là do

- A. Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội.
- B. Chính phủ bầu trong số đại biểu Quốc hội.
- C. Nhà nước bầu trong số đại biểu Quốc hội.
- D. Nhân dân bầu trong số đại biểu Quốc hội.

Câu 11: Đâu là cơ quan thực hiện quyền hành pháp của nước ta?

- A. Chính phủ.
- B. Quốc hội.
- C. Chủ tịch nước.
- D. Hội đồng nhân dân.

Câu 12. Chính phủ hoạt động theo mấy hình thức chủ yếu?

- A. Hai.
- B. Ba.

C. Bốn.

D. Năm.

Câu 13. Cơ quan thường trực của Quốc hội là:

A. Chính phủ

B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

C. Hội đồng nhân dân các cấp.

D. Ủy ban nhân dân các cấp.

Câu 14. “Quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại” là thể hiện chức năng nào của Quốc hội?

A. Lập hiến.

B. Lập pháp

C. Quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

D. Thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Câu 15. Ý kiến phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội, do Quốc hội bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội.

B. Phó Chủ tịch nước giúp Chủ tịch nước thực hiện nhiệm vụ và có thể được Chủ tịch nước ủy nhiệm thay chủ tịch nước thực hiện một số nhiệm vụ.

C. Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quyền ban hành Hiến pháp, luật.

D. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quyền ban hành Hiến pháp, luật.

Câu 16. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quyền

A. lập pháp

B. hành pháp

C. tư pháp

D. công tố

Câu 17. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là cơ quan

A. quyền lực nhà nước cao nhất

B. quyền lực nhà nước ở địa phương

C. cơ quan hành chính nhà nước cao nhất

D. cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

Câu 18. Chủ tịch nước do ai bầu ra?

A. Đảng

B. Nhà nước

C. Nhân dân

D. Quốc hội

BÀI 15. TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Câu 1. Chức năng của Tòa án nhân dân là

A. thi hành pháp luật, thực hiện quyền hành pháp.

B. bảo vệ công lý, bảo vệ lợi ích của bộ máy chính quyền.

C. xét xử, thực hành quyền tư pháp.

D. xét xử, kiểm sát hoạt động tư pháp.

Câu 2. Cơ quan nào của nước ta thực hành quyền tư pháp?

A. Quốc hội.

B. Tòa án nhân dân.

C. Chính phủ.

D. Ủy ban nhân dân.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện đặc điểm hoạt động của Tòa án nhân dân?

- A. Tòa án nhân dân xét xử công khai.
- B. Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số.
- C. Tòa án nhân dân có thể xét xử kín khi cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc
- D. Tòa án nhân dân xét xử theo ý kiến của nhân dân.

Câu 4. Tòa án nhân dân được tổ chức ở cấp nào?

- A. Được tổ chức ở bốn cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện.
- B. Được tổ chức ở bốn cấp: Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp xã.
- C. Được tổ chức ở bốn cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp thành phố trực thuộc trung ương và Tòa án nhân dân cấp huyện.
- D. Được tổ chức ở bốn cấp: Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp thị xã.

Câu 5. Chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân là

- A. thi hành pháp luật, thực hiện quyền hành pháp.
- B. bảo vệ công lý, bảo vệ lợi ích của bộ máy chính quyền.
- C. xét xử, thực hành quyền tư pháp.
- D. thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

Câu 6. Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức ở cấp nào?

- A. Được tổ chức ở bốn cấp: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.
- B. Được tổ chức ở bốn cấp: Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp xã.
- C. Được tổ chức ở bốn cấp: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp thành phố trực thuộc Trung ương và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.
- D. Được tổ chức ở bốn cấp: Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và Viện kiểm sát nhân dân cấp thị xã.

Câu 7. Tất cả các Viện kiểm sát do ai lãnh đạo?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Viện trưởng.
- C. Quốc hội.
- D. Chính phủ.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Các Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử theo luật định.
- B. Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân đều là cơ quan xét xử tại Việt Nam.
- C. Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát mới có thẩm quyền điều tra, xét xử các vụ án dân sự, hình sự.
- D. Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp dưới hoạt động độc lập và không chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên.

Câu 9. Viện kiểm sát nhân dân có mấy chức năng chính?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 10. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền

- A. lập pháp.
- B. hành pháp.
- C. xét xử thực hiện quyền tư pháp.
- D. công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

BÀI 16. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Câu 1. Ủy ban nhân dân ở từng cấp có chức năng gì sau đây?

- A. Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.
- B. Đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân.
- C. Quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của địa phương.
- D. Tổ chức việc thi hành hiến pháp và pháp luật ở địa phương.

Câu 2. Hội đồng nhân dân có chức năng gì?

- A. Tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương.
- B. quyết định các vấn đề của địa phương do luật định.
- C. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
- D. Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Câu 3. Các cơ quan nào sau đây được gọi là Chính quyền địa phương?

- A. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.
- B. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.
- C. Sở, Phòng, Ban chuyên môn.
- D. Mặt trận Tổ quốc và Hội Liên hiệp Phụ nữ.

Câu 4. Cơ quan nào sau đây do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra?

- A. Ủy ban nhân dân.
- B. Hội đồng nhân dân.
- C. Tòa án nhân dân.
- D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 5. Cơ quan nào sau đây do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra?

- A. Ủy ban nhân dân.
- B. Hội đồng nhân dân.
- C. Tòa án nhân dân.
- D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 6. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân bao gồm

- A. đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân.
- B. đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Pháp chế.
- C. đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Dân tộc.
- D. đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Kinh tế - Ngân sách.

Câu 7. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân bao gồm

- A. chủ tịch Ủy ban nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân, các ủy viên và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện.
- B. chủ tịch Ủy ban nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân, các ủy viên.
- C. chủ tịch Ủy ban nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân, các ủy viên và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.
- D. chủ tịch Ủy ban nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.
- B. Ủy ban nhân dân họp thường lệ ít nhất 2 kỳ và quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết.
- C. Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.
- D. Ủy ban nhân dân hoạt động chế độ thủ trưởng và quyết định theo đa số.

Câu 9. Hội đồng nhân dân là cơ quan

- A. quyền lực nhà nước cao nhất
- B. quyền lực nhà nước ở địa phương
- C. cơ quan hành chính nhà nước cao nhất
- D. cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

Câu 10. Ủy ban nhân dân là cơ quan

- A. quyền lực nhà nước cao nhất
- B. quyền lực nhà nước ở địa phương
- C. cơ quan hành chính nhà nước cao nhất
- D. cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

BÀI 17. PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

Câu 1. Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng

- A. tính tự giác của nhân dân.
- B. tiềm lực tài chính quốc gia.
- C. quyền lực nhà nước.
- D. sức mạnh chuyên chính.

Câu 2. Việc pháp luật được áp dụng nhiều lần, trong phạm vi hiệu lực mà nó tác động đến, với nhiều đối tượng thể hiện đặc điểm nào của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính bắt buộc chung.
- C. Tính áp dụng nhiều lần.
- D. Tính hiệu lực chung.

Câu 3. Luật hôn nhân gia đình quy định điều kiện kết hôn giữa nam và nữ áp dụng cho tất cả mọi người, không có ngoại lệ phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
- B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 4. Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính bắt buộc chung.
- C. Hiệu lực tuyệt đối.
- D. Khả năng đảm bảo thi hành cao.

Câu 5. Tất cả mọi cá nhân, tổ chức nếu vi phạm pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính bắt buộc chung.
- B. Tính công khai.
- C. Tính dân chủ.
- D. Tính qui phạm phổ biến.

Câu 6. Công ty A và công ty B cùng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh nên đều bị xử phạt hành chính, điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính nghiêm minh của pháp luật.
- B. Tính trừng phạt của pháp luật.
- C. Tính bắt buộc chung.
- D. Tính giáo dục của pháp luật.

Câu 7. Luật giao thông đường bộ quy định người điều khiển xe mô tô, gắn máy phải đội mũ bảo hiểm. Quy định này thể hiện

- A. tính chất chung của pháp luật.

B. tính quy phạm phổ biến của pháp luật.

C. tính phù hợp của pháp luật.

D. tính phổ biến rộng rãi của pháp luật.

Câu 8. Hình thức pháp lí của các văn bản pháp luật do luật định là đặc điểm nào sau đây của pháp luật?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính cưỡng chế.

Câu 9. Căn cứ vào Luật Giao thông đường bộ, cảnh sát giao thông đã xử phạt những người vi phạm để đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Trong những trường hợp này pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

A. Là công cụ để bảo vệ trật tự an toàn giao thông.

B. Là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội.

C. Là công cụ để nhân dân đấu tranh với người vi phạm.

D. Là phương tiện để nhà nước trừng trị kẻ phạm tội.

Câu 10. Nhờ chị S có hiểu biết về pháp luật nên tranh chấp về đất đai giữa gia đình chị với gia đình anh P đã được giải quyết ổn thỏa. Trường hợp này cho thấy pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

A. Bảo vệ quyền và tài sản của công dân.

B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

C. Bảo vệ quyền dân chủ của công dân.

D. Bảo vệ quyền tham gia và quản lí xã hội.

Câu 11. Cơ sở sản xuất giấy X bị cán bộ môi trường lập biên bản đình chỉ hoạt động vì không áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cán bộ môi trường đã sử dụng vai trò nào dưới đây của pháp luật?

A. Thực hiện quyền, lợi ích của công dân.

B. Tổ chức và thực hiện pháp luật.

C. Bảo vệ quyền, lợi ích của công dân.

D. Phương tiện để quản lí xã hội.

Câu 12. Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng đã quyết định xử phạt việc chị K khi kinh doanh hàng mĩ phẩm không đảm bảo chất lượng. Việc làm của Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính kỉ luật nghiêm minh. B. Tính chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính bắt buộc chung.

-----HẾT-----